

Số: 50 /QĐ-SNV

Tây Ninh, ngày 31 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức
sự nghiệp năm 2015 của Sở Y tế

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ

Căn cứ Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 13/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức.

Căn cứ Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 09/7/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý;

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Công văn số 229/SYT-TCCB ngày 10/5/2016 về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2015 và đề nghị của Trưởng phòng Công chức, viên chức thuộc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2015 của Sở Y tế cho 233 trường hợp (kèm theo danh sách).

Điều 2. Giao thủ trưởng đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế thực hiện ký hợp đồng làm việc đối với viên chức theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Công chức, Viên chức thuộc Sở Nội vụ; Sở Y tế; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các viên chức có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận: /

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CCVC.



Trương Thị Phương Thảo

UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ NỘI VỤ

DANH SÁCH CÔNG NHÂN KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC CỦA SỞ Y TẾ NĂM 2015
(Kèm theo Quyết định số 10/QĐ-SNV, ngày 31/15/2016 của Sở Nội vụ)

TT	Đơn vị	Như cầu số lượng tuyển	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	STT	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Môn điều kiện		Kết quả điểm				Chứng chỉ		Ghi chú
	(Vị trí việc làm)						Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học	Kiến thức chung	Lý thuyết chuyên ngành	Trắc nghiệm chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ		
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂY NINH			88															
1	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	5	Cao đẳng Công nghệ môi trường	1	Nguyễn Thị Ngọc	Hành		03/5/1994	Long Thành Trung, Hòa Thành	70	100	50	80		88	A	B	
			Trung cấp Kiểm soát và bảo vệ môi trường	2	Trần Phi	Dương	06/11/1989		Long Thành Trung, Hòa Thành	64	100	60	65		84	A	B	
			Điều dưỡng trung cấp	3	Mai Tô Hoàng	Dung		29/9/1995	Cần Giuộc, Long An	80	96	65	51		60	A	A	
2	Khoa Sản	5	Cư nhân Hộ sinh	4	Dương Thị Thảo	Linh		19/5/1991	Hiệp Tân, Hòa Thành	89	100	50	87.5		72	A	B	
				5	Lê Thị	Ngân		1993	Tân Phong, Tân Biên	89.5	100	60	99.5		76	A	A	
			Hộ sinh trung cấp	6	Lê Thị Thanh	Phượng		10/12/1981	Phước 4, TP TN	96	100	65	66.5		96	A	A	
				7	Võ Thị Cẩm	Hồng		17/11/1989	Trường Tây, Hòa Thành	88.5	72	65	52		68	A	A	
				8	Đào Thị Ngọc	Hà		13/7/1988	Phước 3, TP TN	99	100	55	78		96	B	B	
3	Khoa Dược	4	Thạc sĩ Dược	9	Huỳnh Thị Thanh	Vân		02/3/1987	Long Thành Nam, Hòa Thành	91	100	55	98		88	A	B	
				10	Ngô Thị Hồng	Nhi		13/6/1986	Phước 3, TP TN	60	100	50	88		68	B	A	
			Dược sĩ Trung cấp	11	Nguyễn Ngọc	Phối		03/4/1982	Tân Bình, TP TN	69	92	60	66		80	A	B	
4	Khoa Mắt	1	Cư nhân Điều dưỡng	12	Trần Thị Phương	Anh		24/6/1990	Phước 1, TP TN	62.5	100	60	50		80	B	B	
5	Khoa Nhi	3	Điều dưỡng trung cấp	13	Phạm Thị Ánh	Tuyết		18/6/1992	Tân Lập, Tân Biên	89.5	84	70	56		64	B	B	
6	Khoa Xé nghiệm	7	Trung cấp Xét nghiệm	14	Huỳnh Thị	Mai		1988	Gia Lộc, Trảng Bàng	80.5	Miền	80	68.5		96	CD	B	
				15	Võ Thị Trúc	Ly		07/4/1993	Long Giang, Bến Cầu	62	100	80	61		100	A	B	
				16	Diệp Mỹ	Thiên		20/5/1987	Ninh Sơn, TP TN	86	100	70	57.25		88	A	A	
				17	Lê Thị Diễm	Thúy		25/8/1991	Phước Ninh, DMC	89	100	50	64		56	A	A	
			Điều dưỡng trung cấp	18	Phạm Thị Hồng	Nhung		09/9/1994	Trường Hòa, Hòa Thành	72.5	100	50	59.5		56	A	A	
				19	Nguyễn Thị Kim	Liên		26/01/1987	Phước 1, TP TN	78	80	60	53.5		52	A	B	

TT	Đơn vị (Vị trí việc làm)	Nhu cầu số lượng tuyển	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	STT	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Môn điều kiện		Kết quả điểm			Chứng chỉ		Ghi chú
							Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học	Kiến thức chung	Lý thuyết chuyên ngành	Trắc nghiệm chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ	
7	Phòng Kế hoạch tổng hợp	10	Kỹ sư Công nghệ thông tin	20	Trần Hiếu	Nghĩa	24/3/1989		Long Thành Nam, Hòa Thành	69	Miền	50	90	88	CNTT	B	
				21	Nguyễn Hoàng	Anh	17/10/1983		Phường 1, TP TN	56	Miền	55	70	76	CNTT	B	
				22	Võ Thị Hồng	Nhung		20/8/1990	Trưởng Mít, DMC	73.5	Miền	60	90	100	CNTT	B	
				23	Nguyễn Anh	Tú	22/9/1990		Phường 1, TP TN	90	Miền	60	77.5	100	C	B	
8	Khoa Điều trị theo yêu cầu	1	Cao đẳng Công nghệ thông tin	24	Huỳnh Mai Trọng	Nghĩa	01/4/1990		Phường 2, TP TN	64.5	Miền	55	82.5	88	CNTT	B	
				25	Trần Thị Hồng	Nhung		14/3/1994	Thái Bình, Châu Thành	76	68	80	73	68	B	A	
				26	Lý Thị Thủy	Hằng		20/9/1993	Trị Bình, Châu Thành	93	100	70	95	68	A	B	
				27	Phạm Thị Thu	Vân		06/12/1989	Củ Chi, Tp.HCM	73	60	75	87.5	72	A	A	
9	Khoa Nội C	6	Điều dưỡng trung cấp	28	Nguyễn Thanh	Thúy		04/5/1990	Tân Hưng, Tân Châu	84	100	75	72.5	72	A	A	
				29	Nguyễn Quốc	Dương	17/9/1990		Suối Đà, DMC	73	84	70	74	72	A	A	
				30	Lâm Thị Thảo	Trinh		21/02/1988	Thanh Điền, Châu Thành	78.5	96	80	85	76	A	B	
				31	Trần Thị Thu	Hồng		13/9/1986	Ninh Điền, Châu Thành	51.5	100	75	85	68	A	C	
10	Phòng Tài chính kế toán	8	Cử nhân Kế toán	32	Đặng Thị	Dung		08/8/1991	Ninh Sơn, TP TN	76	100	55	65	80	B	TOEIC 505	
				33	Hồ Thị Mỹ	Linh		28/7/1990	Thanh Bình, Tân Biên	57.5	100	75	55	80	A	C	
				34	Phạm Thị	Na		05/6/1992	Thái Bình, Châu Thành	91	84	65	80	80	B	B	
				35	Trần Thị Kim	Sang		10/3/1989	TP Quảng Ngãi	82	96	50	80	80	A	B	
11	Khoa Hồi sức tích cực chống độc	3	Trung cấp Kế toán	36	Ngô Thị Hồng	Nhung		29/8/1989	Phường 3, TP TN	51	96	65	55	76	A	B	
				37	Lương Ngọc	Tú		09/8/1987	Phường 2, TP TN	82	80	65	90.5	68	A	B	
				38	Dương Yến	Loan		25/10/1987	Phường 3, TP TN	78.5	96	65	88.25	60	B	B	
				39	Châu Thị Thùy	Linh		14/10/1988	Thị Trấn Hòa Thành	64	64	50	93.25	52	B	B	
			Điều dưỡng trung cấp	40	Lê Thị Hồng	Duyên		20/7/1993	Xuân Lộc, Đồng Nai	56.5	96	60	60.5	92	A	B	
				41	Nguyễn Thị	Nhị		08/11/1993	Thanh Điền, Châu Thành	81	96	60	74	56	A	A	

TT	Đơn vị		Nhu cầu số lượng tuyển	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	STT	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Môn điều kiện		Kết quả điểm				Chứng chỉ		Ghi chú
	(Vị trí việc làm)							Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học	Kiến thức chung	Lý thuyết chuyên ngành	Trắc nghiệm chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ		
12	Khoa Cấp cứu		10	Điều dưỡng trung cấp	42	Trần Thị	Hòa		16/12/1989	Yên Thành, Nghệ An	89,5	84	70	64,5	64	B	B		
					43	Lâm Ngọc	Quyên		24/4/1988	Hiệp Ninh, TP TN	79	100	65	65,5	56	A	A		
					44	Bùi Thị Minh	Luân		05/4/1995	Lê Thủy, Quảng Bình	70,5	92	60	63,75	60	B	B		
					45	Nguyễn Thị Hồng	Cầm		25/4/1994	Tân Đông, Tân Châu	61,5	100	75	50	68	A	B		
					46	Phạm Ngọc	Bích		07/01/1986	Hiệp Ninh, TP TN	80,5	92	50	50	76	B	B		
13	Khoa Khám		4	Điều dưỡng trung cấp	47	Nguyễn Thị	Lành		26/11/1995	Bàu Dồn, Gò Dầu	52	68	50	52	68	A	B		
					48	Nguyễn Thị Trúc	Mi		04/10/1992	Thanh Tây, Tân Biên	63,5	96	50	50	64	A	B		
14	Phòng Vật tư y tế		2	Kỹ sư Trang thiết bị Y tế	49	Lê Văn	Mạnh		06/10/1990	Thanh Long, Châu Thành	62,5	84	60	50	68	B	B		
15	Khoa Nội B		2		50	Phạm Thị	Châu		16/3/1994	Quỳnh Lưu, Nghệ An	78	100	60	66,5	72	A	B		
BỆNH VIỆN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				4															
1	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng		4	Cư nhân Vật lý trị liệu	51	Hoàng Thị Huyền	Trang		07/7/1992	An Bình, Châu Thành	76	100	70	56	76	A	B		
				Kỹ thuật viên cao đẳng Vật lý trị liệu	52	Bùi Thị Bích	Hương		28/5/1992	Thị trấn Châu Thành	64,5	92	55	50	76	THVP	B		
BỆNH VIỆN LAO VÀ BỆNH PHỔI				10															
1	Khoa Lao - Bệnh phổi		4	Điều dưỡng trung cấp	53	Nguyễn Thị Tú	Anh		02/3/1994	Cần Xuyên, Hà Tĩnh	59,5	76	70	50	72	B	B		
					Y sĩ	54	Trần Thị	Thủy		10/5/1995	Phước 3, TP TN	52,5	96	70	51	72	A	B	
						55	Trần Thị Anh	Thư		30/01/1990	Suối Bè, DMC	50	80	60	55	60	A	A	
2	Khoa Dược - Vật tư y tế - Cận lâm sàng		4	Dược sĩ đại học	56	Nguyễn Thị	Huyền		28/9/1989	Kiến An, Hải Phòng	74	100	85	67	88	B	C		
					Y sĩ	57	Phan Thị Diễm	Thủy		13/3/1993	Phước Chi, Trảng Bàng	79	100	70	56	60	B	B	
3	Phòng Tài chính Kế toán		1	Cao đẳng Kế toán	58	Nguyễn Thị	Quý		07/02/1992	Tân Bình, TP TN	65	80	55	80	88	B	TOEIC 405		
BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN				25															
1	Phòng Tổ chức-Hành chính-Quản trị		2	Cao đẳng Tài chính ngân hàng	59	Nguyễn Ninh	Bình		18/7/1991	Phước 3, TP TN	60	92	50	60	96	B	B		
				Đại học Kế toán	60	Nguyễn Thị Kim	Duyên		26/3/1980	Long Thành Trung, Hòa Thành	54,5	76	70	60	68	TC	B		

TT	Đơn vị (Vị trí việc làm)	Nhu cầu số lượng tuyển	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	SYT	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Môn điều kiện			Kết quả điểm			Chứng chỉ		Ghi chú
							Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học	Trắc nghiệm chuyên ngành	Kiến thức chung	Lý thuyết chuyên ngành	Thí nghiệm chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ	
2	Phòng Tài chính kế toán	3	Trung cấp Kế toán	61	Trương Thị Ngọc	Hiếu		01/7/1988	Hào Đức, Châu Thành	64.5	80	55	80	88		A	B	
			Trung cấp Hạch toán kế toán	62	Trần Nguyễn Lê	Vy		26/8/1994	Phường 4, TP TN	61.5	76	50	50	80		B	A	
3	Phòng Kế hoạch Tổng hợp - CNTT	1	Cử nhân công nghệ thông tin	63	Nguyễn Thị Thu	Hiền		04/5/1981	Phường 2, TP TN	77.5	Miền	65	86	88		CNTT	B	
			Y sĩ y học cổ truyền hoặc Y sĩ định hướng y học cổ truyền	64	Thái Thanh	Tâm	30/9/1987		Ninh Thanh, TP TN	86	100	80	64.5	72		B	B	
4	Khoa Phục hồi chức năng	3	Trung cấp Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu	65	Đình Thị Hồng	Đào		01/01/1994	Trưởng Mít, DMC	90	100	70	52.5	84		A	A	
5	Khoa Nội	5	Y sĩ y học cổ truyền hoặc Y sĩ định hướng y học cổ truyền	66	Mái Ngọc	Phúc	04/4/1994		Lệ Thủy, Quảng Bình	57	100	60	54.5	72		B	B	
6	Khoa Dược	2	Dược sĩ trung cấp	67	Nguyễn Đức Phúc	An	06/7/1989		Hiệp Ninh, TP TN	82	100	75	65	56		A	A	
7	Cận Lâm sàng	2	Trung cấp Kỹ thuật viên xét nghiệm y học dự phòng	68	Châu Thế Thanh	Truyền		1992	Hòa Hội, Châu Thành	64	92	80	82	88		A	A	
	TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG	4																
1	Khoa Kiểm soát bệnh truyền nhiễm và Vắc xin sinh phẩm	1	Y sĩ định hướng y học dự phòng	69	Phạm Thị Thanh	Trần		26/6/1993	Phường 1, TP TN	91	100	80	66	80		A	B	
2	Khoa Nội tiết định dưỡng	1	Y sĩ định hướng y học dự phòng	70	Võ Thị	Phương		14/4/1990	Phường 3, TP TN	65	100	60	64	72		TCTH	B	
3	Khoa Xét nghiệm	1	Kỹ sư Công nghệ hóa thực phẩm	71	Huyền Lê Thanh	Như		26/7/1986	An Thanh, Bến Cầu	81.5	88	80	90	96		B	C	
		1	Cử nhân hóa	72	Võ Thị Trúc	Linh		08/9/1986	Cầu Khởi, DMC	82.5	100	55	75	100		B	C	
	TRUNG TÂM PHÒNG CHỐNG SÓT RÉT	8																
1	Khoa Ký sinh trùng - Xét nghiệm	1	Cử nhân Sinh học	73	Trần Ngọc Lam	Tuyền		16/4/1989	Hiệp Ninh, TP TN	77.5	100	85	90	92		A	B	
2	Khoa Côn trùng	2	Y sĩ định hướng dự phòng	74	Lê Anh	Thư		05/6/1993	Hiệp Ninh, TP TN	96	96	75	82.5	84		A	B	
3	Khoa Dịch tễ sốt rét	3	Y sĩ định hướng dự phòng	75	Tăng Văn Tấn	Phước	22/02/1988		Ninh Sơn, TP TN	57.5	96	80	57.5	76		A	A	
				76	Lê Thị Hồng	Gấm		20/8/1992	Hiệp Ninh, TP TN	67	100	70	56.5	84		A	A	
4	Phòng Kế hoạch Tài chính	1	Đại học Kế toán	77	Phạm Thị	Hương		04/3/1988	Phường 3, TP TN	58.5	92	75	70	68		B	B	
	TRUNG TÂM PHÁP Y	3																
				78	Nguyễn Phúc Gia	Nguyễn	05/4/1994		Bầu Nặng, DMC	75	100	70	84.5	52		B	A	
1	Phòng Khám giám định tổng hợp	3	Y sĩ	79	Vũ Thanh	Thủy		01/9/1992	Bình Minh, TP TN	73.5	100	85	64	52		B	B	

TT	Đơn vị	Như cầu số lượng tuyển	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	STT	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Môn điều kiện			Kết quả điểm			Chứng chỉ		Ghi chú
	(Vị trí việc làm)						Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học	Kiến thức chung	Lý thuyết chuyên ngành	Trắc nghiệm chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ		
				80	Lê Phước	Trung	06/9/1990		Phường 4, TP TN	82	100	65	68.5	56	B	B		
TRUNG TÂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN				3														
1	Phòng Tổ chức Hành chính	1	Cử nhân Đại học Quản trị kinh doanh	81	Nguyễn Phan Bình	Ngọc		10/6/1992	Hiệp Tân, Hòa Thành	95	100	85	90	60	B	B		
TRUNG TÂM KIỂM DỊCH Y TẾ QUỐC TẾ				9														
1	Phòng Tổ chức hành chính - Kế hoạch tài chính	1	Cử nhân Luật	82	Trần Thị Thanh	Tuyền		01/11/1987	Long Thành Nam, Hòa Thành	68	100	50	65	80	B	B		
2	Trạm Kiểm dịch y tế cửa khẩu Tổng Lễ Chân	3	Y sĩ định hướng Y học dự phòng	83	Nguyễn Thị Hồng	Trần		10/10/1993	Cần Giang, Gò Dầu	93	100	80	72.5	100	A	A		
				84	Huyền Thị Thủy	Ngọc		26/11/1993	Ninh Thành, TP TN	72.5	100	75	70	64	A	A		
				85	Trương Nguyễn Tấn	Hy		13/4/1993	Phường 2, TP TN	54	100	50	64.5	76	A	B		
3	Trạm Kiểm dịch y tế cửa khẩu Kà Tum	2	Y sĩ định hướng Y học dự phòng	86	Phạm Đăng Văn	Thanh		12/02/1994	Thanh Phước, Gò Dầu	60	100	75	60.5	80	A	A		
4	Trạm Kiểm dịch y tế cửa khẩu Chàng Rệp	1	Y sĩ định hướng Y học dự phòng	87	Lê Minh	Vương		25/8/1990	Thái Bình, Châu Thành	71	100	70	90.5	84	A	B		
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ĐƯỢC PHẠM MỸ PHẠM-THỤ C PHẠM				9														
1	Phòng Tổ chức-Hành chính	3	Dược sĩ trung cấp	88	Tạ Thị Hoài	Trang		09/12/1993	Thái Bình, Châu Thành	56.5	100	65	71	76	A	B		
2	Phòng Kế hoạch - Tài chính kế toán	2	Đại học kế toán	89	Bia Thị Hoàng	Anh		12/02/1990	Trí Bình, Châu Thành	72	96	55	70	72	B	B		
			Dược sĩ đại học	90	Bùi Hoài	Phượng		21/5/1990	Phường 3, TP TN	84	92	65	50.5	96	B	B		
TRUNG TÂM TRUYỀN THÔNG - GIÁO DỤC SỨC KHỎE				1														
1	Phòng Kế hoạch - Giáo dục sức khỏe	1	Dược sĩ đại học	91	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền		06/02/1973	Phường 3, TP TN	68.5	92	60	54.5	88	B	B		
TRUNG TÂM PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS				23														
1	Khoa Truyền thông và Can thiệp	2	Y sĩ	92	Lê Thị Ngọc	Trình		05/10/1987	Đông Khởi, Châu Thành	77.5	76	55	50.5	68	A	A		
2	Cơ sở Methadone tại Thành phố Tây Ninh	8	Dược sĩ trung cấp	93	Phạm Thành	Huy		04/11/1986	Thị trấn Hòa Thành	88.5	96	50	64	64	B	B		
TRƯỜNG TRUNG CẤP Y TẾ				2														
1	Phòng Đào tạo	2	Cử nhân Điều dưỡng	94	Vương Thị Thủy	Hoa		22/5/1989	Trà Vong, Tân Biên	86	96	80	50	88	B	B		
			Dược sĩ trung cấp	95	Kiều Thị Thu	Hiền		11/8/1989	Thị trấn Châu Thành	82	100	80	84	76	A	A		

TT	Đơn vị (Vị trí việc làm)	Nhu cầu số lượng tuyển	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	STT	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Môn điều kiện			Kết quả điểm			Chứng chỉ		Ghi chú
							Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học	Kiến thức chung	Lý thuyết chuyên ngành	Trắc nghiệm chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ		
TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ																		
1	Khoa Ngoại Phụ sản - CSSKSS	1	Cử nhân hộ sinh	96	Trần Thị Thảo	Nguyễn		28/03/1992	Gia Bình- Trảng Bàng	88.5	100	60	50	72	A	B		
		1	Hộ sinh trung cấp	97	Nguyễn Thị Hồng	Thu		31/08/1986	Trương Đông- Hòa Thành	72.5	96	65	65	76	A	B		
2	Khoa Dược-Cận lâm sàng	7	Kỹ thuật viên xét nghiệm trung cấp	98	Võ Thị Minh	Thiệt		04/02/1992	Long Thành Trung- Hòa Thành	81	100	75	50	96	A	B		
			Cao đẳng Dược	99	Cao Văn	Yên	16/09/1991	Long Thuận - Bến Cầu	86	100	70	75	76	A	B			
			Kỹ thuật viên X Quang	100	Lê Nguyễn Quốc	Anh	01/01/1992	Hiệp Thanh- Gò Dầu	71.5	92	70	50.5	76	A	A			
			Dược sĩ trung cấp	101	Nguyễn Thị Bích	Diệu	17/12/1984	Thị trấn Hòa Thành	54	96	50	100	60	A	B			
3	Khoa Y tế dự phòng	1	Y sĩ định hướng Y học dự phòng	102	Nguyễn Thị Huyền	Trần		04/10/1991	Long Thành Trung- Hòa Thành	92.5	100	75	58	72	B	B		
4	Trạm Y tế xã Ninh Sơn	1	Dược sĩ trung cấp	103	Lương Thị Trúc	Phương		27/02/1993	TP Tây Ninh	86	100	55	83.5	72	A	B		
			Dược sĩ trung cấp	104	Nguyễn Thu	Hồng	24/05/1992	Thanh tây- Tân Biên	74	100	85	60	88	A	A			
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HÒA THÀNH																		
1	Khoa Khám bệnh	4	Y sĩ đa khoa	105	Vân Thị Ngọc	Thảo		20/12/1992	Suối Ngô, Tân Châu	71	84	80	88.5	80	B	B		
				106	Lê Thị Thảo	Ngân		18/5/1995	Hào Đức, Châu Thành	87	100	85	88.5	72	A	B		
				107	Phan Lê Hoàng	Nguyễn	15/8/1993	Trường Hòa, Hòa Thành	62	100	55	77	64	B	B			
2	Khoa Hồi sức cấp cứu	2	Điều dưỡng trung cấp	108	Huỳnh Thu	Cúc		16/01/1989	Ninh Thành, TP TN	89	92	70	71	76	B	TOEIC 545		
				109	Lê Thị Mỹ	Hạnh		16/6/1993	Tân Phú, Tân Châu	89	100	85	92	72	A	B		
				110	Trần Thị Lệ	Thanh		27/8/1992	Trường Tây, Hoa Thành	81.5	100	70	85.5	68	B	B		
3	Khoa Ngoại	5	Y sĩ	111	Nguyễn Thị Ngọc	Quý		17/5/1990	Trường Hòa, Hòa Thành	95.5	100	80	94.5	84	A	B		
				112	Phan Văn	Nghiêm	03/11/1994	Thị trấn DMC	52	96	60	68.5	88	B	B			
				113	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	24/4/1991	Lộc Ninh, DMC	72	92	60	89	64	A	A			
			Điều dưỡng trung cấp	114	Lê Thanh	Phương	25/10/1995	Hiệp Thanh, Gò Dầu	89	92	60	68.5	84	A	B			
				115	Lâm Thị Bảo	Trần	15/02/1990	Thị trấn Hòa Thành	58	100	55	73.5	76	A	A			

TT	Đơn vị	Nhu cầu số lượng tuyển	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	STT	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Môn điều kiện		Kết quả điểm				Chứng chỉ		Ghi chú
	(Vị trí việc làm)						Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học	Kiến thức chung	Lý thuyết chuyên ngành	Thực nghiệm chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ		
4	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm - Y học cổ truyền	6	Điều dưỡng trung cấp	116	Võ Thị Băng	Tâm		08/3/1993	Long Thành Bắc, Hòa Thành	66	100	70	60	72	A	B		
				117	Nguyễn Quốc	Hậu	23/12/1991		Bàu Năng, DMC	52	100	50	74.25	64	A	B		
				118	Huỳnh Hành	Duyên		02/8/1995	Long Thành Bắc, Hòa Thành	70	100	70	50	72	A	B		
			Hộ sinh trung cấp	119	Trần Lê Ngọc	Thùy		27/11/1994	Hiệp Thành, Gò Dầu	60	96	65	56	52	A	A		
				120	Võ Thị Ngọc	Huyền		10/7/1991	Phường 4, TP TN	81	100	80	91	76	B	B		
5	Khoa Phụ sản-Chăm sóc sức khỏe sinh sản	2		121	Trần Thị Thu	Hai		04/3/1984	Trường Hòa, Hòa Thành	86	100	75	63	60	A	A		
6	Khoa Y tế dự phòng	2	Cử nhân Công nghệ sinh học	122	Nguyễn Trọng	Nhân	25/12/1989		Thị trấn Tân Châu	76.5	76	85	90	92	B	B		
				123	Nguyễn Hoài	Linh	25/10/1988		Trường Tây, Hòa Thành	68	96	65	65	100	A	TOEIC 510		
7	Khoa Cận lâm sàng	3	Kỹ thuật viên trung cấp xét nghiệm	124	Như Thị Hồng	Mơ		26/11/1991	Suối Bè, DMC	62	100	50	52.75	92	A	B		
				125	Trần Võ Song	Thị		14/02/1993	Cần Thắng, Gò Dầu	90.5	100	60	64.5	88	B	B		
8	Khoa Chống nhiễm khuẩn	1	Cử nhân Công nghệ thông tin	126	Nguyễn Thị Ngọc	Lâu		01/01/1986	Hiệp Tân, Hòa Thành	88.5	Miền	65	96	88	CNTT	B		
9	Phòng Kế hoạch tổng hợp	3		Dược sĩ trung cấp	127	Trần Thị Phương	Dung		08/10/1983	Phường 2, TP TN	52.5	88	70	79	72	B	B	
					128	Võ Thị Hồng	Thắm		16/8/1990	Trường Tây, Hòa Thành	77	96	80	85	52	B	B	
10	Phòng Tài chính kế toán	1	Dược sĩ đại học	129	Ngô Thị Phương	Thào		25/9/1991	Long Thành Trung, Hòa Thành	79	100	60	50	80	B	B		
11	Khoa Dược	2		Dược sĩ cao đẳng	130	Lê Thị Hồng	Phúc		16/3/1992	Tân Phong, Tân Biên	75	96	60	66.5	84	B	A	
					131	Nguyễn Thị Kim	Cúc		30/01/1993	Thanh Đức, Gò Dầu	85	100	85	62	76	A	A	
12	Trạm Y tế thị trấn Hòa Thành	2	Dược sĩ trung cấp	132	Trần Thị Bích	Trâm		12/02/1991	Trường Hòa, Hòa Thành	91	96	75	82	64	A	A		
13	Trạm Y tế xã Trường Hòa	1		Y sĩ định hướng Y học cổ truyền	133	Nguyễn Thị Huỳnh	Mai		07/5/1993	Long Thành Bắc, Hòa Thành	69	100	75	50	68	A	A	
14	Trạm Y tế xã Trường Tây	1	Y sĩ	134	Võ Thị Tú	Trinh		15/02/1994	Long Thành Bắc, Hòa Thành	93	100	80	50	76	A	A		
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CHÂU THÀNH				30														
1	Khoa Khám bệnh	3	Y sĩ	135	Hồ Cao Hoàng	Phuong	16/9/1994		Thái Bình Châu Thành	89	100	75	83	60	A	B		
				136	Trần Thị Cẩm	Nhung		04/10/1990	Thành Long Châu Thành	59.5	96	70	54	76	A	B		

TT	Đơn vị (Vị trí việc làm)	Nhu cầu số lượng tuyển	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	STT	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Môn điều kiện			Kết quả điểm		Chứng chỉ		Ghi chú
							Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học	Kiến thức chung	Lý thuyết chuyên ngành	Trắc nghiệm chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ	
			Điều dưỡng trung cấp	137	Lê Thị Hồng	Phước		23/10/1989	Đồng khởi Châu Thành	90	100	65	93.5	80	A	A	
			Y sĩ	138	Lê Trần Nhật	Tâm	23/6/1992		Ninh Sơn thành phố TN	68	100	70	63	60	A	A	
2	Khoa Cấp cứu - Ngoại	4	Cao đẳng Điều dưỡng	139	Đặng Thị	Trang		28/02/1994	Cẩm Thủy Thanh Hóa	86	96	80	68	64	A	B	
			Điều dưỡng trung cấp	140	Trương Khánh	Hùng	22/11/1985		Thanh Điền Châu Thành	53	88	70	60.5	76	A	A	
				141	Đỗ Thị Thu	Thúy		27/8/1992	Thị trấn Châu Thành	83	84	65	53.5	64	A	A	
3	Khoa Nội - Nhiễm - Y học cổ truyền	1	Cao đẳng Điều dưỡng	142	Lê Thị	Nguyễn		17/6/1994	Kiến Phước Đắc Lắc	64	100	80	77	80	B	B	
4	Khoa Dược - Cận lâm sàng	2	Dược sĩ trung cấp	143	Nguyễn Thị Thanh	Thảo		08/11/1991	Thái Bình Châu Thành	94	100	75	75	76	A	A	
			Y sĩ định hướng dự phòng	144	Nguyễn Công	Hậu	02/12/1990		Thị trấn Châu Thành	72	100	65	90	88	A	B	
				145	Nguyễn Thị Tuyết	Ngoan		01/01/1993	Thị trấn Châu Thành	71.5	100	75	69.5	60	A	A	
5	Khoa Y tế dự phòng	3	Kỹ sư Công nghệ thực phẩm	146	Nguyễn Thị Huỳnh	Như		20/10/1986	An Bình Châu Thành	94	100	80	80	100	A	B	
6	Phòng Tài chính kế toán	1	Cử nhân Tài chính Ngân hàng	147	Bùi Thị Phương	Thảo		18/8/1990	Thái Bình Châu Thành	96	100	80	90	88	B	B	
7	Trạm Y tế xã Thành Long	2	Điều dưỡng trung cấp	148	Lê Thị	Vui		14/7/1993	Hòa hội Châu Thành	54.5	68	55	56.5	69	A	B	
8	Trạm Y tế xã Thái Bình	2	Y sĩ định hướng Y học cổ truyền	149	Nguyễn Trọng	Nhân	03/3/1990		Trị Bình Châu Thành	71.5	100	65	92	56	A	B	
9	Trạm Y tế xã Thanh Điền	2	Y sĩ định hướng Y học cổ truyền	150	Phùng Nhứt	Tú	13/10/1990		Thái Bình Châu Thành	57.5	100	75	96.5	76	A	A	
10	Trạm Y tế xã An Cư	2	Điều dưỡng trung cấp	151	Trịnh Thị	Liệp		12/4/1992	Suối Ngõ Tân Châu	66	92	70	52.5	52	B	B	
			Dược sĩ trung cấp	152	Trần Thị Hương	Thảo		11/10/1994	Thị trấn Châu Thành	95	100	70	66	92	A	A	
			Y sĩ định hướng Y học cổ truyền	153	Phùng Nhứt	Thanh	09/12/1993		Trường Hòa Hòa Thành	50	100	65	53	64	A	A	
11	Trạm Y tế xã Trị Bình	3	Dược sĩ trung cấp	154	Huỳnh Thị Cẩm	Thơ		10/4/1993	Thành Long Châu Thành	74.5	100	65	61	64	A	A	
			Điều dưỡng trung cấp	155	Mai Thị	Trang		11/8/1993	Thái Bình Châu Thành	85	92	70	59	52	A	B	
	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TÂN BIÊN	34															
1	Khoa Dược - Cận lâm sàng	1	Cử nhân công nghệ sinh học	156	Thái Cẩm	Loan		19/02/1993	Thanh Điền- Châu Thành	72	84	70	90	96	B	B	
2	Khoa Ngoại	1	Điều dưỡng Trung cấp Gây mê hồi sức	157	Nguyễn Thị	Thúy		19/07/1992	Tân Hòa- Tân Châu	58	88	75	53	64	B	B	

TT	Đơn vị	Như cầu số lượng tuyển	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	STT	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Môn điều kiện		Kết quả điểm			Chứng chỉ		Ghi chú
	(Vị trí việc làm)						Nam	Nữ		Ngòi ngữ	Tin học	Kiến thức chung	Lý thuyết chuyên ngành	Trắc nghiệm chuyên ngành	Tin học	Ngòi ngữ	
3	Khoa Hồi sức cấp cứu	3	Cao đẳng điều dưỡng	158	Trương Thị	Tam		29/09/1989	Tân Lập- Tân Biên	63	100	75	94	52	B	B	
			Điều dưỡng trung cấp	159	Lư Thị Như	Huỳnh		16/10/1994	Thanh Bình- Tân Biên	66	100	75	57	72	A	B	
4	Khoa Y tế dự phòng	2	Y sĩ	160	Hồ Thị Mỹ	Duyên		28/12/1992	Thanh Bình- Tân Biên	89	100	80	77.5	100	A	A	
5	Khoa phụ sản	2	Hộ sinh trung cấp	161	Lê Thị	Mười		14/06/1991	Thị Trấn Tân biến	82	100	55	94.5	76	A	A	
6	Trạm Y tế xã Tân Lập	3	Y sĩ	162	Nguyễn Thị Diệu	Yến		10/9/1994	Thị Trấn Tân biến	83.5	100	80	77	100	A	B	
				163	Lê Thị Tú	Trình		17/01/1995	Trường Tây- Hòa Thành	66.5	100	55	50	76	A	A	
7	Trạm Y tế xã Tân Phong	3	Y sĩ	164	Phạm Thị	Trang		17/08/1990	Tân Phong- Tân Biên	60.5	84	70	76	60	B	B	
				165	Ngô Hoàng Cẩm	Nhung		02/09/1993	Long Thành Trung- Hòa Thành	90	100	75	66	68	B	A	
8	Trạm Y tế xã Hòa Hiệp	3	Dược sĩ trung cấp	166	Nguyễn Thái	Bình	02/1988		Tân Phong- Tân biến	58	100	70	88	88	A	A	
			Hộ sinh trung cấp	167	Nguyễn Thị Huỳnh	Như		28/10/1993	Tân Phong- Tân Biên	86	100	55	91.5	60	A	B	
			Trung cấp Dân số	168	Đỗ Thị Xuân	Huông		15/12/1977	Hòa Hiệp- Tân Biên	80	96	55	65.4	68	A	A	
9	Trạm Y tế xã Mộ Công	4	Dược sĩ trung cấp	169	Nguyễn Thị Phương	Trúc		23/09/1993	TP Tây Ninh	91	100	80	79	68	B	A	
			Y sĩ	170	Lê Duy	Khải	01/01/1993		Tân Hòa- Tân Châu	73	92	60	50	68	A	B	
10	Trạm Y tế xã Tân Bình	3	Dược sĩ trung cấp	171	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		22/01/1990	Tân Bình- Tân Biên	78	96	75	68	84	B	B	
11	Trạm Y tế xã Thanh Bình	2	Y sĩ	172	Lư Thị Hồng	Huỳnh		16/10/1994	Thanh Bình- Tân Biên	70.5	100	75	50	68	A	B	
			Trung cấp Dân số	173	Trần Thị Vân	Anh		16/10/1982	Thanh Bình- Tân Biên	76	100	70	63.8	72	B	B	
12	Trạm Y tế xã Thạnh Bắc	2	Y sĩ	174	Hoàng Phi	Yến		11/01/1991	Tân Hà- Tân Châu	84	92	80	52.5	88	A	B	
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TÂN CHÂU		18															
1	Khoa Y tế dự phòng	2	Y sĩ	175	Nguyễn Thủy	Hồng		08/11/1991	Thị Trấn Tân Châu	68	60	70	71	60	A	B	
2	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	2	Cư nhân Công nghệ thông tin	176	Trần Quốc	Đạt	07/11/1992		Tân Phú- Tân Châu	67.5	Miền	75	96	84	CNTT	B	
3	Trạm Y tế xã Tân Thành	1	Y sĩ	177	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm		14/04/1994	Tân Thành- Tân Châu	84.5	100	85	68.5	88	A	B	
			Y sĩ	178	Lâm Hữu	Thanh	20/04/1993		Thị Trấn Tân Châu	66	100	80	57	56	B	B	
4	Trạm Y tế xã Suối Dây	2	Trung cấp Dân số	179	Lê Ngọc	Cầm		29/04/1990	Suối Dây- Tân Châu	73.5	100	80	75.5	68	A	B	

TT	Đơn vị (Vị trí việc làm)	Nhu cầu số lượng tuyển	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	STT	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Môn điều kiện		Kết quả điểm			Chứng chỉ		Ghi chú
							Nam	Nữ		Ngôi ngữ	Tin học	Kiến thức chung	Lý thuyết chuyên ngành	Trắc nghiệm chuyên ngành	Tin học	Ngôi ngữ	
5	Trạm Y tế thị trấn Tân Châu	1	Trung cấp Dân số	180	Vũ Thị Thu	Hà		08/04/1983	Thanh Đông- Tân Châu	63	100	50	50	64	A	B	
6	Trạm Y tế xã Tân Hưng	3	Y sĩ	181	Trần Quốc	Toàn	23/02/1990		Phước Lưu- Trảng Bàng	50	84	85	87	76	A	A	
				182	Lê Hoài	Phuong	02/05/1994		Tân Hưng- Tân Châu	79.5	100	65	76	68	A	B	
				183	Trịnh Quốc	Vinh	17/10/1994		Thị Trấn Tân Châu	67.5	92	50	75.5	72	B	B	
7	Trạm Y tế xã Tân Phú	1	Dược sĩ trung cấp	184	Nguyễn Thị Phương	Thủy		11/10/1982	Thị trấn Hòa Thành	93	100	65	79	80	THVP	B	
8	Trạm Y tế xã Suối Ngó	2	Y sĩ	185	Nguyễn Thị Thu	Thảo		22/01/1993	Suối Ngó- Tân Châu	73	100	75	54	80	B	B	
				186	Nguyễn Hoài	Tâm	09/3/1994		Trưởng Mít- DMC	76.5	100	50	51	84	A	B	
9	Trạm Y tế xã Tân Hội	1	Trung cấp Dân số	187	Phạm Thị Bảo	Ngọc		27/02/1986	Tân Hội- Tân Châu	84	88	50	57	60	B	A	
TRUNG TÂM Y TẾ DƯƠNG MINH CHÂU		11															
1	Khoa Dược- cận lâm sàng	2	Kỹ thuật xét nghiệm trung cấp	188	Đào Thị Hồng	Quyên		25/10/1993	Lộc Ninh- DMC	90.5	100	60	84.25	100	A	A	
2	Khoa Y tế dự phòng	1	Cao đẳng Công nghệ thực phẩm	189	Phạm Thị Anh	Đào		28/10/1994	Áp Bồ Lớn, Xã Hòa Hội, Châu Thành, Tây Ninh	52	84	50	55	100	B	B	
3	Trạm Y tế xã Bàu Năng	1	Dược sĩ trung cấp	190	Lữ Thị Ngọc	Thảo		27/12/1988	Cầu Khởi- DMC	97	96	70	100	64	A	B	
4	Trạm Y tế xã Trưởng Mít	2	Y sĩ	191	Phạm Thị Hồng	Phấn		18/10/1992	Tổ 2- ấp Thuận Phước- Xã Trưởng Mít- Dương Minh Châu - tây Ninh	73	96	60	56	56	A	A	
5	Trạm Y tế xã Lộc Ninh	1	Dược sĩ trung cấp	192	Lê Hiệp	Đoàn	15/02/1989		Hiệp Thành - Gò Dầu	91	96	70	98	84	B	B	
6	Trạm Y tế Phước Minh	2	Dược sĩ trung cấp	193	Vân Thị Phương	Mai		01/10/1992	Phước Minh DMC	87.5	100	60	80	68	A	A	
TRUNG TÂM Y TẾ TRẢNG BÀNG		20															
1	Khoa Phụ sản	1	Hộ sinh trung cấp	194	Nguyễn Ngọc	Thịnh		20/11/1986	Lộc Hưng Trảng Bàng	54.5	96	50	84	76	B	B	
2	Khoa Hồi sức cấp cứu	2	Cử nhân Điều dưỡng	195	Hồ Thị	Nhanh		21/3/1986	Lộc Hưng Trảng Bàng	94	100	75	62.5	92	THVP	B	
3	Khoa Dược	3	Dược sĩ trung cấp	196	Phạm Nguyễn Ngọc	Trần		02/01/1990	Bàu Đồn Gò Dầu	71	100	80	82	76	A	A	
				197	Mai Hồng	Thị		16/9/1987	Thị trấn Trảng Bàng	77.5	100	70	76	76	B	A	
				198	Nguyễn Quốc	Thanh	24/10/1987		An Tịnh Trảng Bàng	57.5	84	70	54	72	B	B	
4	Khoa Ngoại	1	Y sĩ	199	Nguyễn Thị Phước	Nhân		28/3/1994	An Hòa Trảng Bàng	79	100	70	65.5	60	A	A	

TT	Đơn vị	Nhu cầu số lượng tuyển	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	STT	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Môn điều kiện		Kết quả điểm				Chứng chỉ		Ghi chú
	(Vị trí việc làm)						Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học	Kiến thức chung	Lý thuyết chuyên ngành	Thực nghiệm chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ		
5	Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị	2	Kỹ sư công nghệ thông tin	200	Phạm Tuấn	Khoa	18/7/1989		An Tĩnh Trảng Bàng	66,5	Miền	75	96	88	CNTT	C		
				201	Dương Văn	Trăm	21/10/1986		Thanh Phước Gò Dầu	50		75	75	84	CNTT	B		
6	Phòng Tài chính Kế toán	1	Trung cấp Kế toán Tin học	202	Nguyễn Hữu	Lợi	13/5/1991		Bầu Nang DMC	66	84	50	75	88	A	A		
7	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	1	Cử nhân quản trị bệnh viện	203	Nguyễn Minh	Thùy		18/6/1993	An Tĩnh Trảng Bàng	96	96	60	70	76	B	B		
8	Phòng Khám khu vực Bình Thạnh	1	Dược sĩ trung cấp	204	Dương Thị Yến	Nhi		12/10/1991	Phước Chi Trảng Bàng	88	92	80	85	72	A	B		
9	Trạm Y tế xã Lộc Hưng	1	Y sĩ	205	Phạm Thị Huyền	Trần		21/3/1994	Hiệp Thanh - Gò Dầu	55,5	96	70	60,5	60	A	A		
10	Trạm Y tế xã Gia Lộc	1	Y sĩ	206	Nguyễn Thị	Giàu		14/9/1993	Phước Lưu Trảng Bàng	77	100	65	67,5	84	A	B		
11	Trạm Y tế xã Đồn Thuận	2	Y sĩ	207	Trần Thị Hồng	Nhi		1990	Lộc Hưng Trảng Bàng	54,5	84	55	53	68	A	A		
			Dược sĩ trung cấp	208	Nguyễn Thị Kim	Hàng		13/8/1985	Lộc Hưng Trảng Bàng	65,5	72	75	61	60	B	A		
12	Trạm Y tế xã An Tĩnh	2	Điều dưỡng trung cấp	209	Nguyễn Thị Thiên	Kim		16/11/1993	An Thanh Bến Cầu	67,5	100	55	50	72	B	A		
				210	Nguyễn Thị Thủy	An		16/7/1991	An Tĩnh Trảng Bàng	59,5	92	50	53,5	64	B	A		
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN GÒ DẦU				17														
1	Phòng Kế hoạch Tổng hợp - Vật tư TBVT	1	Cử nhân Quản trị Bệnh viện	211	Vũ Thị Thanh	Thảo		13/6/1990	Thị trấn DMC, huyện DMC	84	100	70	70	84	B	B		
2	Khoa Phụ sản - Chăm sóc sức khỏe sinh sản	3	Hộ sinh trung cấp	212	Đặng Bích	Tuyền		20/06/1994	Phước Thanh- Gò Dầu	61,5	92	65	89	52	A	A		
				213	Võ Thị Hoa	Lý		08/12/1989	Thanh Đức, Gò Dầu	64	96	65	53,5	64	A	B		
3	Khoa Y tế dự phòng	3	Y sĩ định hướng Y học dự phòng	214	Đoàn Nguyễn Thanh	Thảo		23/8/1994	Bình Thạnh, Trảng Bàng	53,5	92	60	54,5	64	A	B		
			Kỹ sư Công nghệ thực phẩm	215	Nguyễn Thị Xuân	Mai		05/06/1986	Gia Bình- Trảng Bàng	88	92	65	80	100	B	C		
4	Trạm Y tế xã Cẩm Giang	1	Y sĩ định hướng Y học dự phòng	216	Nguyễn Quý	Vinh	12/5/1994		Hiệp Thanh, Gò Dầu	58,5	96	80	82,5	80	A	A		
5	Trạm Y tế xã Thanh Phước	3	Điều dưỡng trung cấp	217	Trần Thị Mỹ	Hiền		16/03/1990	Thanh Phước- Gò Dầu	52	92	65	83	64	A	B		
6	Trạm Y tế Thị Trấn	1	Cao đẳng Kế toán	218	Nguyễn Thị Tố	Uyên		11/4/1990	Thị Trấn Gò Dầu	64	96	50	85	80	A	B		
7	Trạm Y tế xã Bầu Đồn	1	Điều dưỡng trung cấp	219	Trương Diệu	Ngọc		17/07/1995	Hiệp Thanh- Gò Dầu	75,5	100	85	50,25	68	B	A		
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BẾN CẦU				16														

TT	Đơn vị (Vị trí việc làm)	Nhu cầu số lượng tuyển	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	STT	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Môn điều kiện		Kết quả điểm			Chứng chỉ		Ghi chú
							Nam	Nữ		Ngôi ngữ	Tin học	Kiến thức chung	Lý thuyết chuyên ngành	Trắc nghiệm chuyên ngành	Tin học	Ngôi ngữ	
1	Khoa Dược - Cận lâm sàng	1	Điều dưỡng trung cấp	220	Bùi Thị Kim	Áu		09/8/1989	Long Thuận Bến Cầu	75	100	85	70.5	60	A	B	
2	Khoa Nội - Nhiễm - YHCT	1	Cao đẳng Điều dưỡng	221	Cao Thị Ánh	Tuyền		12/9/1991	Long Thuận Bến Cầu	85	100	80	93	92	A	B	
3	Khoa Y tế dự phòng	3	Kỹ sư hóa thực phẩm	222	Nguyễn Thanh	Tùng	20/01/1986		Thị trấn Bến Cầu	93	100	70	90	92	B	B	
			Kỹ thuật viên trung cấp xét nghiệm	223	Nguyễn Thị Như	Trần		21/5/1993	Lợi Thuận Bến Cầu	62	100	75	59	92	A	B	
4	Khoa Phụ sản - Chăm sóc sức khỏe sinh sản	1	Hộ sinh trung cấp	224	Võ Thị Thanh	Thảo		10/3/1992	Long Giang Bến Cầu	60	100	50	72	56	A	B	
5	Trạm Y tế xã Long Thuận	1	Y sĩ định hướng Y học cổ truyền	225	Lê Thị Cẩm	Nhung		16/03/1991	Tiến thuận - Bến Cầu	85	100	55	83	68	A	A	
6	Trạm Y tế xã Lợi Thuận	1	Y sĩ	226	Nguyễn Thị Phương	Thảo		09/9/1990	thị trấn Bến Cầu	63	92	60	78	88	A	A	
7	Trạm Y tế xã Long Phước	2	Hộ sinh trung cấp	227	Phạm Thủy	Kha		28/3/1992	Thị trấn Bến Cầu	77.5	96	65	56.5	72	A	A	
			Dược sĩ trung cấp	228	Nguyễn Thị Thu	Hiền		28/5/1994	Lợi Thuận Bến Cầu	52.5	92	55	83.5	72	B	B	
8	Trạm Y tế thị trấn Bến Cầu	1	Điều dưỡng trung cấp	229	Phạm Kim	Thu		21/10/1994	Long Thuận Bến Cầu	67	92	60	79.5	52	A	A	
9	Trạm Y tế xã An Thạnh	1	Dược sĩ trung cấp	230	Nguyễn Hồng	Thanh		27/01/1988	Hiệp Thạnh Gò Dầu	52.5	88	60	56	56	B	B	
10	Trạm Y tế xã Tiến Thuận	1	Y sĩ định hướng Y học dự phòng	231	Đặng Thị Huyền	Tranh		09/9/1993	Long Thuận Bến Cầu	72	96	55	76.5	72	A	B	
CHI CỤC DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH		6															
1	Trung tâm DS - KHHGD thành phố Tây Ninh	1	Đại học Công nghệ may	232	Lê Thanh	Thảo		01/01/1989	Thanh Long- Châu Thành	61.5	96	60	75	92	B	C	
2	Trung tâm DS - KHHGD huyện Tân Châu	1	Cử nhân Kế toán	233	Trần Thị Thảo	Trang		10/4/1992	Thị Trấn Tân châu	81	92	65	60	56	A	TOEIC 405	
		Tổng số trúng tuyển		233													